TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2018/DS-PT
Ngày: 29/8/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Trương Phước Tự

Ông Trần Phước Hội

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trãi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Lê Thành Biên*, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS - ST ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 195/2018/QĐ – PT ngày 16/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 196/2018/QĐ-PT ngày 08/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Thanh M, sinh năm 1954.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Thanh M có bà Trần Thị L, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2017.

2. Bị đơn: Chị Ngô Thị N, sinh năm 1975.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn C, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Văn C có chị Ngô Thị N theo văn bản ủy quyền ngày 14/8/2018.

Người kháng cáo: Chị Ngô Thị N là bị đơn, anh Lê Văn C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

(Có mặt bà L, chị N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày: Vào năm 2010 anh Lê Văn C và chị Ngô Thị N mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng Hồ Thanh M cho đến ngày 14-7-2012 cộng sổ lại thì còn thiếu với số tiền 583.463.000đồng.

Đến ngày 10-01-2013 ông M cho anh C, chị N vay số tiền 10.000.000 đồng, hẹn trong vòng 02 tháng sẽ trả. Ngày 02-3-2013, ông M tiếp tục cho anh C, chị N mượn 18 chỉ 01 phân 06 ly vàng 18 kara và đến ngày 12-3-2013 ông M cho anh C, chị N vay 300.000.000 đồng, mục đích vay để đáo nợ ngân hàng hẹn vài ngày trả và ông M tiếp tục cho chị N, anh C vay 02 lần tổng cộng là 417.600.000đồng (lần thứ nhất vay 27.000.000đồng, lần thứ hai vay 444.600.000đồng). Đến hạn anh C, chị N không trả nên vào ngày 22-4-2013, ông M khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện T yêu cầu anh C và chị N trả tiền mua vật tư nông nghiệp và tiền vay còn thiếu tổng cộng là 1.365.065.000đồng, tiền lãi là 122.850.000 đồng và 18 chỉ 1 phân 06 ly vàng 18kara.

Ngày 04-6-2013, ông M thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu một mình chị Ngô Thị N trả nợ, không yêu cầu anh Lê Văn C cùng liên đới trả nợ.

Ngày 25-7-2013, tại phiên hòa giải người đại diện theo ủy quyền của ông M là bà Trần Thị L không yêu cầu chị N trả tiền vay của hai lần tổng cộng là 417.600.000đồng như đã trình bày trong đơn khởi kiện và đồng thời bà cho rằng việc cộng sổ chị N và anh C mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là vào ngày 30-5-2010 không phải là ngày 14-7-2012. Vì vậy, ông M yêu cầu chị Ngô Thị N trả tiền mua vật tư nông nghiệp và tiền vay tổng cộng gốc, lãi là 1.110.655.000 đồng và 18 chỉ 1 phân 06 ly vàng 18kara cụ thể như sau:

+ Tiền mua vật tư nông nghiệp với số tiền gốc là 583.463.000 đồng, tiền lãi 201.732.332 đồng (583.463.000đồng x 30 tháng 22 ngày x 1.125%/tháng) (từ ngày 01-01-2011 đến ngày 23-7-2013).

+ Tiền vay gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi là 14.737.500đồng (300.000.000 đồng x 1.125%/tháng x 4 tháng 11 ngày) (từ ngày 12/3/2013 đến ngày 23/7/2013).

+ Tiền vay gốc 10.000.00 0đồng và tiền lãi là 723.750 đồng (10.000.000 đồng x 6 tháng 13 ngày) (từ ngày 10/01/2013 đến ngày 23/7/2013).

Đối với 18 chỉ 1 phân 06 ly vàng 18kara thì không yêu cầu tính lãi.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25-7-2013, Tòa án nhân dân huyện T ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 77/2013/QĐST-DS ngày 02-8-2013.

Trong quá trình thi hành án do tài sản của anh C không được thi hành để đảm bảo trả nợ cho ông M, nên ông M, chị N làm đơn khiếu nại yêu cầu Giám đốc thẩm đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên. Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí M có Quyết định giám đốc thẩm số: 144/2016/DS-GĐT ngày 09-8-2016 hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 77/2013/QĐST-DS ngày 02-8-2013 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định.

Nay, ông Hồ Thanh M yêu cầu ghi nhận sự tự nguyện giữa ông với chị Nguyện và anh C cụ thể: Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C liên đới trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu gốc là 583.463.000đồng, tiền lãi 201.732.332 đồng, số tiền vay tổng cộng: gốc là 310.000.000đồng, lãi là 15.461.250 đồng. Như vậy, tổng cộng tiền gốc và lãi là 1.110.655.000 đồng và 18 chỉ 1 phân 06 ly vàng 18kara không yêu cầu tính lãi theo như biên bản hòa giải thành ngày 25-7-2013, còn thời gian từ sau ngày hòa giải cho đến nay thì ông M không yêu cầu tính lãi và thống nhất thỏa thuận giá vàng 18 kara là 2.470.000đồng/01chỉ.

- Lời trình bày của bị đơn là Ngô Thị N có trong hồ sơ vụ án như sau: Qua lời yêu cầu của ông M thì chị N thống nhất. Chị N thừa nhận cùng anh C có mua vật tư nông nghiệp và vay mượn còn nợ ông M với số tiền gốc, lãi tổng cộng là 1.110.655.000 đồng và 18 chỉ 1 phân 06 ly vàng 18kara, nay ông M yêu cầu thì chị N và anh C thống nhất liên đới trả và chị N thống nhất khấu trừ số tiền 11.615.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0009122 ngày 13-3-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đối với số tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này và thống nhất thỏa thuận giá vàng 18 kara là 2.470.000 đồng/01chỉ. Đồng thời chị N yêu cầu số tài sản của vợ

chồng chị mà Cơ quan thi hành án dân sự huyện T đã thi hành phải trả lại cho chị N để chị N bán trả đều cho các chủ nợ.

- Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn C có trong hồ sơ vụ án như sau: Thống nhất lời trình bày của chị Ngô Thị N, đồng ý cùng chị N liên đới trả nợ mua vật tư nông nghiệp và vay mượn gốc, lãi tổng cộng là 1.110.655.000 đồng và 18 chỉ 1 phân 06 ly vàng 18kara. Ngoài ra anh C yêu cầu số tài sản của vợ chồng anh mà Cơ quan thi hành án dân sự huyện T đã thi hành phải trả lại cho vợ chồng anh C, để vợ chồng anh C bán trả đều cho các chủ nợ.

- Tại bản án dân sự số 20/2018/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

2. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Hồ Thanh M với chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C cụ thể như sau: Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C đồng ý liên đới trả cho ông Hồ Thanh M số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ, tiền vay tổng cộng gốc, lãi là 1.110.655.000 đồng (một tỷ một trăm mười triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng) trong đó gồm:

- Tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ gốc là 583.463.000 đồng, tiền lãi là 201.732.332 đồng.

- Tiền vay gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi là 14.737.500 đồng.

- Tiền vay gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi là 723.750 đồng.

Và 18 chỉ 1 phân 06 ly vàng 18kara, không tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C liên đới chịu 46.665.306 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí 11.615.500 đồng mà chị Ngô Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0009122 ngày 13-3-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Vậy, chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C còn phải liên đới chịu 35.049.500 đồng (lấy tròn) (ba mươi lăm triệu không trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Ông Hồ Thanh M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông M 23.368.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên

lai thu số: BN/2013: 03390, ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (do Huỳnh Văn Hòa nộp thay)

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên hướng dẫn thi hành bản án và thời hạn kháng cáo.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/9/2017, chị Ngô Thị N, là bị đơn và anh Lê Văn C, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T với nội dung:

- Xin cho phép tạm dừng Quyết định xét xử chờ được giải quyết trả tài sản lại bán trả nợ chia đều đúng pháp luật;

- Xin được miễn tiền án phí sơ thẩm lần 2;

- Xin đưa những ý kiến phản tố của vợ chồng anh, chị vào xem xét trả lại quyền lợi bị xâm hại do bà Tăng Thị Liên, bà Phạm Thị Phú, ông Bình, ông Cư gây ra.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Chị Ngô Thị N trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo qui định pháp luật những nội dung kháng cáo của anh, chị.

Người đại diện của nguyên đơn Bà Trần Thị L trình bày: Yêu cầu chị N, anh C sớm trả số tiền theo bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Về yêu cầu trả lại tài sản đã thi hành án để bán trả nợ đều cho các chủ nợ: Đối với số nợ mà anh C, chị N phải trả cho ông M chưa được thi hành án; đối với nội dung kháng cáo về thủ tục thi hành án, phân chia tỉ lệ thi hành án không thuộc thẩm quyền của Tòa án.

Về án phí: Tòa án chưa xem xét miễn, giảm theo đơn của chị N có xác nhận của địa phương về hoàn cảnh kinh tế khó khăn vào năm 2013, căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009 giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm cho chị N, anh C.

Đối với yêu cầu những người tiến hành tố tụng giải quyết vụ án năm 2013 phải bồi thường thiệt hại do giải quyết án sai chưa được cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết nên cấp phúc thẩm không thể xem xét.

Từ những nhận định trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị N và anh C, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí theo hướng giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với việc chị N và anh C yêu cầu tạm dừng xét xử chờ được giải quyết trả lại tài sản thi hành án để bán trả nợ đều cho các chủ nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 27/4/2018 Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng tháp có Thông báo số 48/TB-CTHADS về việc không thụ lý đơn khiếu nại thi hành án của anh Lê Văn C và chị Ngô Thị N. Đồng thời yêu cầu của anh C và chị N cũng không thuộc trường hợp tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu này của anh C và chị N là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu của chị N và anh C về việc xin được miễn, giảm tiền án phí, Hội đồng xét xử xét thấy, theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 77/2013/QĐST-DS ngày 02/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện T, thì chị N được giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 09/8/2016 Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí M xét xử giám đốc thẩm hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 77/2013/QĐST-DS ngày 02/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định. Do gia đình anh C, chị N thuộc hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương năm 2013. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm phải tiếp tục xem xét không cần thiết yêu cầu anh C, chị N làm đơn lại nên giảm 50% tiền án phí sơ thẩm cho anh C, chị N là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[3] Đối với việc chị N và anh C yêu cầu bồi thường quyền lợi bị xâm hại do những người tiến hành tố tụng gây ra làm thiệt hại do kéo dài vụ án. Xét thấy, chị N, anh C chưa xác định thiệt hại, yêu cầu ai phải bồi thường quyền lợi bị xâm phạm cụ thể như thế nào. Đồng thời, chị N, anh C chưa yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không thể xem xét theo trình tự phúc thẩm. Trong trường hợp chị N và anh C có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của chị N và anh C là có căn cứ chấp nhận một phần về phần án phí. Do đó, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm.

[5] Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị N và anh C, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí theo hướng giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Do yêu cầu kháng cáo của anh C và chị N được chấp nhận một phần nên anh C và chị N không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 428, 438, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009 của UBTVQH và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C về phần án phí.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T về phần án phí.

3. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Hồ Thanh M với chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C cụ thể như sau: Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C đồng ý liên đới trả cho ông Hồ Thanh M số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ, tiền vay tổng cộng gốc, lãi là 1.110.655.000 đồng (một tỷ một trăm mười triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng) trong đó gồm:

+ Tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ gốc là 583.463.000 đồng, tiền lãi là 201.732.332 đồng (làm tròn 201.732.000 đồng).

+ Tiền vay gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi là 14.737.500 đồng (làm tròn 14.737.000 đồng).

+ Tiền vay gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi là 723.750 đồng (làm tròn 723.000 đồng).

Và 18 chỉ, 1 phân, 06 ly vàng 18kara, không tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lê Văn C và chị Ngô Thị N.

Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C liên đới chịu 23.332.653 đồng (làm tròn 23.332.700 đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí 11.615.500 đồng mà chị Ngô Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0009122 ngày 13-3-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Vậy, chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C còn phải liên đới nộp tiếp 11.717.200 đồng.

Ông Hồ Thanh M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ông M 23.368.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: BN/2013: 03390, ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (do Huỳnh Văn Hòa nộp thay).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Văn C và chị Ngô Thị N không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, Hoàn lại cho anh C, chị N mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai số 0001835 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Hồng Nước